

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/DS-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản, hợp đồng thế chấp tài
sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Đông Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Cầu

Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2025 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định Đưa vụ án ra xét xử số 121/2025/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N
Địa chỉ: Tầng 1 và Tầng 2, Tòa nhà SailingTower, Số 111A, đường Pasteur, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, sinh ngày 19-5-1965

Căn cước công dân số 001065043154 cấp ngày 27-9-2021

Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ thường trú: Phòng 5, Tập thể Bộ Tư lệnh Thông tin, Tổ 59, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần Mã số doanh nghiệp: 0100233488 đăng ký lần đầu ngày 14-02-1996, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 23-8-2023 của Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh T1, sinh năm 1994 (có mặt)

Căn cước công dân số 089094014611 cấp ngày 04-02-2022

Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N

Số điện thoại: 0976 588 343

Địa chỉ: Số 340, đường L T T, phường L X, tỉnh An Giang.

Theo Giấy ủy quyền số 138955.25 ngày 26-5-2025 của ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N.

2.Bị đơn: Ông Ngô Thanh T, sinh ngày 15-7-1997 (vắng mặt)

Căn cước công dân số 089097017101 cấp ngày 18-01-2022

Nơi cư trú: Tổ 2, ấp H T, xã A C, tỉnh An Giang.

Số điện thoại: 0787 880 736

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08-4-2025, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Văn T2 đã trình bày; quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T1 trình bày:

1/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N và ông Ngô Thanh T có ký kết:

1.1/ Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024 có nội dung:

Số tiền vay: 954.000.000 đồng

Thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 19-9-2024 đến ngày 19-9-2032

Mục đích vay: Vay tiêu dùng, mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER LEGENDER, biên số 67A – 293.35

Lãi suất cho vay: 7,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu.

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn

Phương thức trả nợ: Vốn và lãi trả hàng tháng vào ngày 19 với số tiền là 9.937.000 đồng

Giải ngân theo giấy hẹn đăng ký xe ô tô, thanh toán hết phần vốn tự có cho bên bán (ngày 19-9-2024)

1.2/ Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024, với hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng, rút tiền ngày 04-11-2024

2/ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N và ông Ngô Thanh T có ký kết: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24 ngày 19-9-2024; tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, dòng xe FORTUNER LEGENDER 4x2, 2.4LAT, loại xe dưới 9 chỗ, số khung RL4AB3GS1R2893208, số máy 2GD5640073, màu sơn: Trắng ngọc trai, biên số 67A – 293.35

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Thanh T chỉ trả được 29.811.000 đồng tiền gốc và 17.652.685 đồng tiền lãi. Đến ngày 09-01-2025 đã chuyển sang nợ quá hạn

Tính đến ngày 12-9-2025, ông T còn nợ như sau:

Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024

Vốn gốc: 924.189.000 đồng

Lãi trong hạn: 7.018.017 đồng

Lãi quá hạn: 76.919.480 đồng

Tổng cộng là 1.008.126.497 đồng

Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024
Vốn gốc: 49.998.960 đồng
Lãi quá hạn: 14.230.520 đồng
Phí thường niên, phí duy trì tài khoản, phí phạt trả chậm: 19.111.658 đồng
Tổng cộng là 83.341.138 đồng
Tổng cộng 2 hợp đồng là 1.091.467.635 đồng
Nay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (nay là Tòa án nhân dân khu vực 10 – An Giang) xem xét:
1/Buộc ông Ngô Thanh T có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N tổng nợ gốc và lãi là 1.091.467.635 đồng (tạm tính đến ngày 12-9-2025).
2/Buộc ông Ngô Thanh T phải thanh toán phần tiền lãi phát sinh đối với số nợ còn lại theo 105756473.24 ngày 19-9-2024 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024 cho đến khi tất toán khoản nợ vay;
3/Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24 ngày 19-9-2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Ngô Thanh T; nhưng ông T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Đối với bị đơn ông Ngô Thanh T Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa; bị đơn ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện*: Căn cứ vào đơn khởi kiện, căn cứ Điều 463, Điều 317, Điều 429 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự, thì vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự mà cụ thể là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thế chấp tài sản; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang và còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] *Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự*: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở kết luận như sau:

Vào ngày 19-9-2024, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N và ông Ngô Thanh T có xác lập hợp đồng tín dụng số 105756473.24 với số tiền vay:

954.000.000 đồng; thời hạn vay: 96 tháng từ ngày 19-9-2024 đến ngày 19-9-2032; lãi suất cho vay trong hạn: 7,5%/năm áp dụng cho 12 tháng đầu; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay: Vay tiêu dùng, mua xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA FORTUNER LEGENDER, biển số 67A – 293.35; Phương thức trả nợ: Vốn và lãi trả hàng tháng vào ngày 19 với số tiền là 9.937.000 đồng.

Vào ngày 10-10-2024, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N và ông Ngô Thanh T có xác lập Đề nghị phát hành thẻ, với hạn mức thẻ: 50.000.000 đồng.

Vào ngày 19-9-2024, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N và ông Ngô Thanh T có ký kết: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24; tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, dòng xe FORTUNER LEGENDER 4x2, 2.4LAT, loại xe dưới 9 chỗ, số khung RL4AB3GS1R2893208, số máy 2GD5640073, màu sơn: Trắng ngọc trai, biển số 67A – 293.35

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Ngô Thanh T chỉ trả được 29.811.000 đồng tiền gốc và 17.652.685 đồng tiền lãi. Đến ngày 09-01-2025 đã chuyển sang nợ quá hạn, cho đến nay ông T không thực hiện việc trả nợ vay và trả lãi theo 02 hợp đồng đã ký dẫn đến phát sinh tranh chấp.

Xét Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024 và hợp đồng vay tài sản theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024. Căn cứ Điều 463 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 17 của Quy chế cho vay của Tổ chức Tín dụng đối với khách hàng, ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì 2 hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng vay tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24 ngày 19-9-2024. Căn cứ Các Điều 317, 318, 319 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23-7-2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; thì hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng với bị đơn đã tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức, chủ thể, nội dung; không trái đạo đức xã hội; Do đó hợp đồng thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Đối với việc trả nợ gốc và lãi: Do 2 hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng vay có kỳ hạn, nguyên đơn đã giao đủ tiền, khi đến hạn thanh toán, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay nguyên đơn có yêu cầu nhận lại vốn vay và tiền lãi theo

Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024

Vốn gốc: 924.189.000 đồng

Lãi trong hạn: 7.018.017 đồng

Lãi quá hạn: 76.919.480 đồng
Tổng cộng là 1.008.126.497 đồng
Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024
Vốn gốc: 49.998.960 đồng
Lãi quá hạn: 14.230.520 đồng
Phí thường niên, phí duy trì tài khoản, phí phạt trả chậm: 19.111.658 đồng
Tổng cộng là 83.341.138 đồng
Tổng cộng 2 hợp đồng là 1.091.467.635 đồng

Xét quan hệ tranh chấp trên, bị đơn là người có lỗi đã không thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là thực hiện việc đóng lãi cũng như trả lại vốn vay theo thỏa thuận khi đến hạn. Việc vi phạm này ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ Các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Các Điều 100, 102 và 103 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024; Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được nhận lại vốn vay và tiền lãi bị đơn còn nợ là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu tiếp tục tính lãi theo hợp đồng: Do 2 hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với bị đơn có hiệu lực pháp luật và đây là hợp đồng tín dụng dài hạn. Nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận lãi suất, bị đơn đã không trả vốn vay và tiền lãi đúng kỳ hạn theo thỏa thuận hợp đồng. Căn cứ Điều 468 và Điều 470 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; thì yêu cầu của nguyên đơn được tính lãi theo 2 hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật; Do đó được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với việc yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho việc thi hành án: Do Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24 ngày 19-9-2024 có hiệu lực pháp luật. Căn cứ Các Điều 317, 318, 319 của Bộ Luật Dân sự năm 2015; thì yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Do buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại nguyên đơn số tiền 1.091.467.635 đồng nên bị đơn phải chịu 44.744.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-9-2025)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 184; Điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Các Điều 266, 271 và 273 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 429; 463, 464, 465, 466, 467, 468, 470 và Điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Các Điều 91, 94 và 95 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Các Điều 100, 102 và 103 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT-BTP-BTC-TANDTC-VKSNDTC ngày 19-6-1997; Thông tư số 20/2012/TT-NHNN ngày 08-6-2012 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31-12-2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Khoản 1 Điều 14 của Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17-7-2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 18/2022/TT-NHNN ngày 26-12-2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N.

[2] Buộc ông Ngô Thanh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N vốn vay và tiền lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024 là 1.008.126.497 đồng, theo Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024 là 83.341.138 đồng, tổng cộng 02 hợp đồng là 1.091.467.635đ (một tỷ không trăm chín mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bảy ngàn sáu trăm ba mươi lăm đồng); tính đến ngày 12-9-2025.

[3] kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 12-9-2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán

xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay (Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024).

[4] Trong trường hợp ông Ngô Thanh T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số 105756473.24 ngày 19-9-2024 và Đề nghị phát hành thẻ ngày 10-10-2024, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N có quyền yêu cầu Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang xử lý tài sản bảo đảm của ông Ngô Thanh T theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 9779910.24 ngày 19-9-2024 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật đối với: tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, dòng xe FORTUNER LEGENDER 4x2, 2.4LAT, loại xe dưới 9 chỗ, số khung RL4AB3GS1R2893208, số máy 2GD5640073, màu sơn: Trắng ngọc trai, biển số 67A – 293.35; để đảm bảo cho việc thi hành án.

[5] Khi ông Ngô Thanh T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ mà không phải phát mãi tài sản, thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N có nghĩa vụ làm thủ tục giải chấp trả lại tài sản thế chấp cho ông T.

[6] *Về án phí:*

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q T V N được nhận lại 21.000.000đ (hai mươi một triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008265 ngày 13-5-2025 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang).

Bị đơn ông Ngô Thanh T phải chịu 44.744.000đ (bốn mươi bốn triệu bảy trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12-9-2025)

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự (đề thi hành);
- Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 10, tỉnh An Giang;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra, Thi hành án, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lý Đông Hoà